

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ
Năm 2010



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08).38 205.944-08.38 205.947; Fax: 08.38 205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	10-11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2010	12 – 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ Phần Trường Phú là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000313, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và Thương mại.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây cáp và nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Đỗ Văn Trắc	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hà	Thành viên
Ông Ngô Đức Thao	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Việt	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Thanh Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2011

TM. Ban Giám Đốc
Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Sơn
Lê Thanh Sơn



Số: ~~427A~~ /BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ Phần Trường Phú***Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Trường Phú.
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Trường Phú.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ Phần Trường Phú** được lập ngày 31 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Trường Phú** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2011

**Lê Văn Tuấn**
Chứng chỉ KTV 0479/KTV**Kiểm toán viên****Đinh Thế Đường**
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		280.955.891.052	120.811.848.120
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	37.658.937.595	1.549.592.079
1. Tiền	111	1.1	12.513.831.595	1.549.592.079
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.2	25.145.106.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	63.109.108.693	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	2.1	63.109.108.693	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	29.258.301.579	61.455.657.558
1. Phải thu của khách hàng	131	3.1	28.558.301.579	56.171.866.593
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	700.000.000	5.283.790.965
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
5. Các khoản phải thu khác	135			
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	4	132.899.663.596	54.222.336.115
1. Hàng tồn kho	141	4.1	132.899.663.596	54.222.336.115
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	18.029.879.589	3.584.262.368
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	1.356.233.190	98.434.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	9.581.692.222	3.446.807.705
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	7.091.954.177	39.020.663
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		82.149.067.957	89.301.418.416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		81.379.636.794	88.558.334.473
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	76.256.963.611	83.301.887.574
- Nguyên giá	222		105.901.061.262	104.840.753.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.644.097.651)	(21.538.865.953)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	5.122.673.183	5.256.446.899
- Nguyên giá	228		5.767.702.000	5.767.702.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(645.028.817)	(511.255.101)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	175.000.000	175.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.1	175.000.000	175.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	594.431.163	568.083.943
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	594.431.163	568.083.943
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		363.104.959.009	210.113.266.535

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

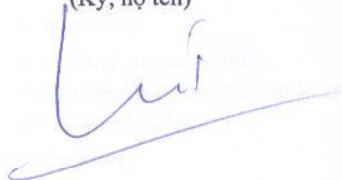
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		255.001.625.041	104.472.122.506
I. Nợ ngắn hạn	310	10	255.001.625.041	104.472.122.506
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	45.084.422.270	80.750.511.490
2. Phải trả người bán	312	10.2	196.216.508.101	12.889.515.637
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	1.393.237.644	8.052.474.294
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	11.824.102.002	2.483.407.624
5. Phải trả người lao động	315	10.5	246.269.148	76.655.061
6. Chi phí phải trả	316	10.6	161.697.069	93.225.593
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.7		500.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	10.8	75.388.807	125.832.807
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học mà công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		108.103.333.968	105.641.144.029
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	108.103.333.968	105.641.144.029
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Nguồn vốn lưu động chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(75.000.000)	(75.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		242.342.488	(195.767.204)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.327.614.600	3.327.614.600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.098.145.900	1.098.145.900
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.510.230.980	1.486.150.733
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		363.104.959.009	210.113.266.535



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại (USD) 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			581,251.23	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



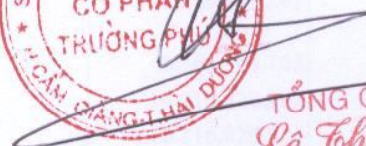
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Phương Lan

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thanh Sơn

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Sơn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	459.290.889.341	389.970.851.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	13	459.290.889.341	389.970.851.361
4. Giá vốn hàng bán	11	14	443.715.140.056	387.466.128.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.575.749.285	2.504.722.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	1.710.158.401	15.039.865.788
7. Chi phí tài chính	22	16	11.677.852.164	10.466.994.633
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.619.558.334	8.898.820.943
8. Chi phí bán hàng	24		669.268.054	741.755.534
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.589.863.303	2.662.411.678
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.348.924.165	3.673.426.802
11. Thu nhập khác	31		10.216.670.387	765.443.000
12. Chi phí khác	32		10.216.025.094	617.531.218
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		645.293	147.911.782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.349.569.458	3.821.338.584
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	305.489.212	2.480.422.625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		2.044.080.246	1.340.915.959
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Phương Lan

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.349.569.458	3.821.338.584
2. Điều chỉnh cho các khoản			17.327.508.556
- Khấu hao TSCĐ	02	8.249.118.636	6.860.513.923
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.605.355.246)	
- Chi phí lãi vay	06	7.619.558.334	10.466.994.633
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.612.891.182	7.047.415.030
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.031.627.448	62.274.726.824
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(78.677.327.481)	14.900.891.129
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	185.895.723.063	(71.052.460.295)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.284.146.410)	708.704.612
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.488.358.765)	(11.620.804.782)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.620.520)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	23.285.063.246	12.982.976.251
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.854.871.936)	(1.146.618.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	159.514.979.827	28.196.262.170
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.090.695.644)	(2.988.909.846)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		765.443.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(249.821.143.930)	(16.588.570.924)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	161.566.929.237	7.788.570.924
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.726.487.654
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.605.355.246	4.035.397.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(87.739.555.091)	4.738.418.637
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu của DN đã p/hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	154.894.256.075	371.807.766.663
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(190.560.335.295)	(412.311.586.552)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.666.079.220)	(40.503.819.889)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	36.109.345.516	(7.569.139.082)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.549.592.079	9.117.352.734
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.378.427
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	37.658.937.595	1.549.592.079

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Phương Lan

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Trường Phú là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000313, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 4 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Vốn điều lệ của công ty là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh mua bán, xuất nhập khẩu các loại dây cáp và nguyên vật liệu để sản xuất dây cáp.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo Thông tư 201/2009-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Căn cứ vào khả năng và tình hình tiêu thụ của khách hàng

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

6.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.



6.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh

6.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

6.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

8. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;

- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

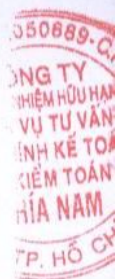
9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

9.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

9.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



9.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

10.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

1.1-Tiền

a. Tiền mặt (VND)

b. Tiền gửi ngân hàng

- TGNH (VND)

Ngân hàng ACB Hà Nội

Ngân hàng Agribank- CN Thăng Long

Ngân hàng ANZ Chi nhánh Hà Nội

Ngân hàng BIDV Hải Dương

Ngân hàng TMCP Hàng hải -CN Hà Nội

Ngân hàng NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex

Ngân hàng BIDV Quang Trung

Ngân hàng SACOMBANK Hà Nội

Ngân hàng SEABANK- CN Hà Đông

Ngân hàng Techcombank Hội sở chính

Ngân hàng Techcombank Chương Dương

Ngân hàng VCB Hải Dương

Ngân hàng VIB Long Biên

- TGNH (USD)

Ngân hàng BIDV Hải Dương 580,163.32 USD

Ngân hàng PGB Hà Nội 83.85 USD

Ngân hàng BIDV Quang Trung

Ngân hàng Sacombank Hà Nội 100.05 USD

Ngân hàng TCB Chương Dương 100.01 USD

Ngân hàng VCB Hải Dương 300.00 USD

Ngân hàng VIB Long Biên 504.00 USD

1.2-Các khoản tương đương tiền

Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương (VND)

Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương (# 58.000 USD)

Tiền gửi dưới 3 tháng tại NH VIB- CN Long Biên (VND)

Cộng tiền và các khoản tương đương tiền

Số cuối năm

Số đầu năm

12.513.831.595

1.549.592.079

224.121.408

408.038.732

12.289.710.187

1.141.553.347

1.285.461.901

1.105.930.953

1.095.289

351.889.269

381.641.229

47.389.744

610.810.583

442.320.432

3.510.043

1.416.837

1.378.037

3.651.256

164.711.573

810.100

53.507.939

19.372.249

11.595.839

5.145.390

8.738.880

194.639.612

11.004.248.286

5.021.820

10.983.651.974

82.746.733

1.587.448

1.894.147

35.622.394

1.893.389

5.679.600

17.498.396

9.541.728

25.145.106.000

3.361.246

14.300.000.000

1.098.056.000

9.747.050.000

37.658.937.595

1.549.592.079

63.109.108.693

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

2.1-Đầu tư ngắn hạn

- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH BIDV Hải Dương (VND)

- Tiền gửi trên 3 tháng tại NH VIB- CN Long Biên (VND)

Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Số cuối năm

Số đầu năm

63.109.108.693

4.000.000.000

59.109.108.693

63.109.108.693

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

3.1-Phải thu khách hàng

- BHP Billiton Marketing AG (Singapore branch)

- CN Công ty CP đầu tư NL XD TM Hoàng Sơn - TT VLXD Hoàng Sơn

- Công ty CP Bía Hà Nội - Thái Bình

- Công ty CP Cấp & Vật liệu mạng

- Công ty CP Cơ điện Trần Phú

- Công ty CP Công nghệ Celtec

- Công ty CP Đầu tư Thương mại & Giải pháp tổng thể Việt Nam

- Công ty CP Đầu tư và phát triển TM Trọng Duy

Số cuối năm

Số đầu năm

28.558.301.579

56.171.866.593

265.571.473

320

7.499.800

13.884.524.840

478.764.770

7.040.000

1.320.000

1.680.800

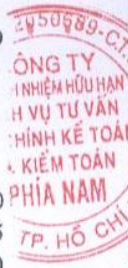
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

- Công ty CP đầu tư và XD Bưu điện(PTIC)	1.948.723.578	1.948.723.578
- Công ty CP Dây và cáp điện Thượng Đình	240.772.176	53.446.775
- Công ty CP Đông Á	23.316.384	23.316.384
- Công ty CP IFO Đầu tư phát triển Công Nghệ	7.545.439	2.559.640
- Công ty CP Kim loại màu Bắc Hà		3.051.797.010
- Công ty CP Kỹ thuật Hoàng Trần	168.918.750	84.168.600
- Công ty CP Phần mềm tự động hóa điều khiển	2.720.080	
- Công ty CP Tập đoàn CN Thiên Phú	77.982.946	
- Công ty CP Thông tin - Truyền thông (MIC)	840.926.811	1.340.926.811
- Công ty CP TIPHA	44.779.608	
- Công ty CP Vật liệu Bưu Điện		1.973.598.900
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	1.283.021.717	1.122.470.053
- Công ty CP viễn thông và xây dựng Thành Lợi	2.999.700	
- Công ty Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20		81.601.251
- Công ty TNHH Bách Thông	13.484.225.638	13.484.225.638
- Công ty TNHH Bình Quyền		143.487.200
- Công ty TNHH Dây và cáp điện Lucky Sun	7.446.395.823	1.183.309.947
- Công ty TNHH Dây và cáp điện Vạn Xuân		12.180.061
- Công ty TNHH Đông Vũ		14.886.551.490
- Công ty TNHH DV và truyền thông Hà Phương	8.004.200	
- Công ty TNHH Một thành viên 43	3.300.000	1.315.362.109
- Công ty TNHH MTV DV nhà ở và khu đô thị	10.260.650	
- Công ty TNHH Năng lượng và mặt trời	22.067.100	
- Công ty TNHH Ngân Xuyên	1.707.680.250	
- Công ty TNHH Ngọc Sơn	192.898.200	
- Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Hệ thống	7.480.000	7.480.000
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại ánh Dương		436.860.375
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Phương Nam		162.592.500
- Công ty TNHH SX&TM Minh Hiếu		69.395.025
- Công ty TNHH Thái Dương		629.356.613
- Công ty TNHH thiết bị tin học Huy Anh	90.958.748	
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Lê Gia Thịnh	35.941.400	
- Công ty TNHH TM & DV An Phú Thịnh	319.014.341	
- Công ty TNHH TM Nhật Nam	9.960.200	
- Công ty TNHH TM&DV Đức Phú	11.798.050	
- Xí nghiệp 108 - Công ty cổ phần xây dựng số 2	78.664.420	
3.2-Trả trước cho người bán	700.000.000	5.283.790.965
- Công ty TM& VT Hàng Mạnh Long		4.600.000
- Công ty TNHH 19/8		5.109.677
- Công ty TNHH Tư Vấn Hiệu Quả ECO CO.,LTD		36.750.000
- Công ty TNHH Cường Hưng	700.000.000	700.000.000
- BHP Billiton Marketing AG (Singapore branch)		4.537.331.288
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	29.258.301.579	61.455.657.558

4. HÀNG TỒN KHO**4.1- Giá gốc hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	85.799.389.391	5.641.898.054
- Công cụ, dụng cụ		256.312.519
- Chi phí SX KD DD	1.678.079.483	1.569.289.446
- Hàng hóa	47.162.113	
- Thành phẩm tồn kho	45.375.032.609	46.754.836.096
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	132.899.663.596	54.222.336.115


 CÔNG TY
 TNHH HỮU HẠN
 DỊCH VỤ TƯ VẤN
 HÌNH KẾ TOÁN
 KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn****5.2-Thuế GTGT được khấu trừ**

- Thuế GTGT

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu

5.3-Tài sản ngắn hạn khác

* Các khoản ký quỹ

- Ký quỹ USD ngắn hạn tại VIB Long Biên

- Ký quỹ ngắn hạn tại VCB Hải Dương

*Tạm ứng

Cộng tài sản ngắn hạn khác**Số cuối năm****Số đầu năm****1.356.233.190****98.434.000****9.581.692.222****3.446.807.705**

538.016.537

4.900.090

9.043.675.685

3.441.907.615

7.091.954.177**39.020.663****7.024.200.963****2.111.463**

7.022.090.063

563

2.110.900

2.110.900

67.753.214**36.909.200****18.029.879.589****3.584.262.368**

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương.

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ QL	Phương tiện vận tải	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
1 Số dư đầu kỳ	83.367.800.243	18.795.533.154	80.132.690	2.597.287.440		104.840.753.527
2 Số tăng trong kỳ	1.037.947.917	10.124.000	29.169.182	13.454.545		1.090.695.644
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong kỳ	1.037.947.917	10.124.000	29.169.182	13.454.545		1.090.695.644
- Đầu tư XD/CB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ	14.045.159	8.742.750		7.600.000		30.387.909
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác	14.045.159	8.742.750		7.600.000		30.387.909
4 Số dư cuối kỳ	84.391.703.001	18.796.914.404	109.301.872	2.603.141.985		105.901.061.262
II. Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu kỳ	17.772.158.972	2.928.865.966	47.642.537	790.198.478		21.538.865.953
2 Tăng trong kỳ	7.075.239.261	765.361.485	15.439.063	259.305.111		8.115.344.920
- Khấu hao trong kỳ	7.075.239.261	765.361.485	15.439.063	259.305.111		8.115.344.920
- Tăng khác						
3 Giảm trong kỳ	6.038.637	719.992		3.354.593		10.113.222
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác	6.038.637	719.992		3.354.593		10.113.222
4 Số dư cuối kỳ	24.841.359.596	3.693.507.459	63.081.600	1.046.148.996		29.644.097.651
III. Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu kỳ	65.595.641.271	15.866.667.188	32.490.153	1.807.088.962		83.301.887.574
2 Tại ngày cuối kỳ	59.550.343.405	15.103.406.945	46.220.272	1.556.992.989		76.256.963.611



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương.

7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Quyền SD Đất(*)	Quyền phát minh	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCBVH khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	5.723.202.000			44.500.000	5.767.702.000
2 Số tăng trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm					
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	5.723.202.000			44.500.000	5.767.702.000
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	487.081.008			24.174.093	511.255.101
2 Tăng trong năm	118.659.145			15.114.571	133.773.716
- Khấu hao trong năm	118.659.145			15.114.571	133.773.716
- Tăng khác					
3 Giảm trong năm					
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	605.740.153			39.288.664	645.028.817
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	5.236.120.992			20.325.907	5.256.446.899
2 Tại ngày cuối năm	5.117.461.847			5.211.336	5.122.673.183



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

	Số cuối năm	Số đầu năm
8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		
8.1-Đầu tư dài hạn khác	175.000.000	175.000.000
- Công ty Thủy Điện Miền Trung VN	175.000.000	175.000.000
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	175.000.000	175.000.000
9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC		
9.1-Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ	594.431.163	568.083.943
Cộng tài sản dài hạn khác	594.431.163	568.083.943
10. NỢ NGẮN HẠN		
10.1-Vay và nợ ngắn hạn	45.084.422.270	80.750.511.490
- Vay ngắn hạn VNĐ- BIDV Quang Trung		36.200.000.000
- Vay ngắn hạn VNĐ- VIB Long Biên		26.231.441.490
- Vay ngắn hạn Ngoại tệ- VIBank CN Long Biên	42.824.184.000	13.814.570.000
- Vay ngắn hạn VNĐ- Vay cá nhân ngoài	2.260.238.270	4.504.500.000
10.2-Phải trả người bán	196.216.508.101	12.889.515.637
- Công ty TNHH Vệ sinh Công nghiệp nhà sạch (Việt Nam)		4.620.000
- Công ty CP Dây và Cáp điện Thượng Đình		60.902.155
- Công ty CP Vật tư Xăng dầu Hải Dương	143.008.170	87.365.450
- Công ty TNHH TMDV Gia Thịnh Phú		699.503.758
- Công ty CP An Huy		2.277.749.274
- Công ty Cảnh Phong(TNHH)		9.759.375.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Ngành nước	3.471.200	
- Công ty TNHH CHEMTECH	20.460.000	
- Công ty TM& VT Hàng Mạnh Long	21.590.260	
- Công ty TNHH VINACOMPOUND	72.600.000	
- Công ty TNHH Kim Bàng	96.444.480	
- Công ty TNHH Đông Vũ	9.507.554.892	
- BHP Billiton Marketing AG (Singapore branch)	186.351.379.099	
10.3-Người mua trả tiền trước	1.393.237.644	8.052.474.293
- Công ty TNHH Song Võ		7.342.000.000
- Lê Sơn Cương		1.162.000
- Công ty TNHH TACHIKO		12.571.650
- Công ty CP Công nghiệp điện Tự Cường		26.935.389
- Cửa hàng dây và thiết bị điện Hưng Hà	96.270.000	83.270.000
- Công ty CP Công nghiệp Tự Cường		586.535.254
- DNTN Kiên Chung	13.923.250	
- Công ty TNHH Đông Vũ	1.283.044.394	
10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.824.102.002	2.483.407.625
- Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp	2.780.291.317	2.480.422.625
- Thuế Thu nhập Cá nhân	135.000	2.985.000
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.043.675.685	
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
10.5-Phải trả người lao động	246.269.148	76.655.061
10.6-Chi phí phải trả	161.697.069	93.225.593
10.7-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		500.000
- Phải trả, phải nộp khác		500.000
10.8-Quỹ khen thưởng phúc lợi	75.388.807	125.832.807
Cộng nợ ngắn hạn	255.001.625.041	104.472.122.506

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giang, Tỉnh Hải Dương.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(75.000.000)		3.327.614.600	1.098.145.900	145.234.774	104.495.995.274
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước						1.340.915.959	1.340.915.959
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước			195.767.204				195.767.204
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước							
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	(75.000.000)	(195.767.204)	3.327.614.600	1.098.145.900	1.486.150.733	105.641.144.029
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						2.044.080.246	2.044.080.246
Tăng khác							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay			438.109.692				438.109.692
Giảm khác(*)						20.000.000	20.000.000
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	(75.000.000)	242.342.488	3.327.614.600	1.098.145.900	3.510.230.980	108.103.333.968



CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn của nhà nước			
Vốn của cá nhân khác	100%	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	100.000.000.000	100.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
Vốn đầu tư của chủ SH		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Vốn góp đầu năm		100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm			
- Vốn góp giảm trong năm			
- Vốn góp cuối năm		100.000.000.000	100.000.000.000
d) Các quỹ của doanh nghiệp		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Quỹ đầu tư phát triển		3.327.614.600	3.327.614.600
- Quỹ dự phòng tài chính		1.098.145.900	1.098.145.900
- Quỹ khác thuộc vốn CSH			
12. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
+ Doanh thu bán hàng		459.290.889.341	389.970.851.361
+ Doanh thu trao đổi dịch vụ			
+ Doanh thu XD			
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		459.290.889.341	389.970.851.361
13. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
+ Doanh thu thuận trao đổi SP, hàng hóa		459.290.889.341	389.970.851.361
+ Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ		-	-
+ Doanh thu XD		-	-
Cộng doanh thu thuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ		459.290.889.341	389.970.851.361
14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán		443.715.140.056	387.466.128.502
Cộng giá vốn hàng bán		443.715.140.056	387.466.128.502
15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Lãi tiền vay, tiền gửi		1.605.355.246	1.184.964.750
Chênh lệch tỷ giá		104.803.155	1.218.967.861
Lãi bán hàng trả chậm			11.004.467.959
Cổ tức và lợi nhuận được chia			1.631.465.218
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.710.158.401	15.039.865.788
16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Lãi tiền vay		7.619.558.334	8.898.820.943
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		1.941.311.484	263.712.855
Chi phí tài chính khác		2.116.982.346	1.304.460.835
Cộng chi phí tài chính		11.677.852.164	10.466.994.633
17. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH		<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành		305.489.212	2.480.422.625
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		305.489.212	2.480.422.625

02050689
CÔNG TY
 CH NHIỆM HỮU H
 CH VỤ TƯ VẤN
 CHÍNH KẾ TO
 KIỂM TOÁN
 PHÍA NAM
 TP. HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ

Địa chỉ: Lô A2, Khu công nghiệp Phúc Điền, Xã Cẩm Phúc, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

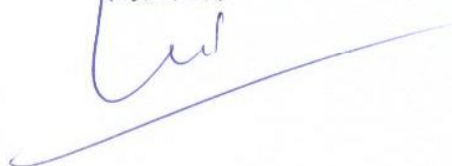
18. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**Chỉ tiêu:**

	Số năm nay	Số năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	2.349.569.458	3.821.338.584
b- Các khoản điều chỉnh tăng	94.344.238	
- Chi phí không hợp lệ	94.344.238	
c- Các khoản điều chỉnh giảm		
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	2.443.913.696	3.821.338.584
e-Thuế TNDN phải nộp	610.978.424	2.480.422.625
f- Thuế TNDN được miễn giảm	305.489.212	
g- Lợi nhuận sau thuế TNDN (g=a-e+f)	2.044.080.246	1.340.915.959

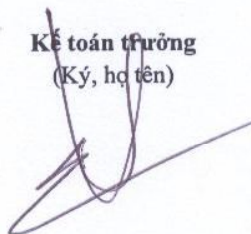
19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2010 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC); Số dư này đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Phương Lan

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Sơn

Lê Thanh Sơn